

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 02/QĐ-TTg

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm” giai đoạn 2007 - 2010 (6)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tờ trình số 2609/BNN-KL ngày 10 tháng 10 năm 2006),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm" giai đoạn 2007 - 2010 gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu và quan điểm chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng

a) Mục tiêu

Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy rừng từ trung ương đến địa phương để có đủ khả năng để kiểm soát cháy rừng, giảm nguy cơ cháy rừng, chữa cháy rừng kịp thời, có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra.

b) Quan điểm chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và các cấp chính quyền về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Phòng cháy rừng là chủ đạo, chữa cháy rừng phải kịp thời, khẩn trương có hiệu quả;

- Đầu tư nâng cao từng bước năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm;

- Xây dựng và triển khai các phương án chữa cháy rừng theo phương châm bốn tại chỗ. Địa phương chủ động tổ chức nguồn lực và chỉ huy chữa cháy rừng, Trung ương củng cố lực lượng đủ mạnh hỗ trợ các vùng trọng điểm cháy rừng và các vụ cháy lớn vượt quá tầm kiểm soát của địa phương;

- Chủ rừng phải chịu trách nhiệm về bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên diện tích rừng, đất rừng được Nhà nước giao, cho thuê;

- Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, huy động mọi nguồn lực của xã hội, các thành phần kinh tế cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Nội dung và giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng thông qua các số ra chuyên đề hàng ngày, tuần và tháng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức

cho cộng đồng về chính sách của Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong phòng cháy, chữa cháy rừng và giới thiệu lợi ích của rừng đối với cuộc sống con người;

- Xây dựng các bảng nội quy bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; biển cấm lửa và biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng; in ấn và phát hành các tài liệu phổ biến về phòng cháy, chữa cháy rừng và các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ rừng;

- Xây dựng mô hình trình diễn về công tác quản lý lửa rừng, chương trình phối hợp với trường phổ thông trung học và trường phổ thông cơ sở để tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa tìm hiểu về công tác bảo vệ rừng.

b) Cơ chế, chính sách về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương và các Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Quy hoạch lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng từ trung ương đến địa phương, trên cơ sở kiện toàn và củng cố lực lượng kiểm lâm hiện có;

- Xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều hành, chỉ huy, phối hợp lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng thống nhất, quy chế hoạt động và chia sẻ nghĩa vụ,

quyền lợi của lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp;

- Quy định chế độ tài chính đảm bảo cho các hoạt động của công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Xây dựng quy định về thiết kế các công trình phòng cháy rừng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh rừng;

- Xây dựng cơ chế, chính sách để tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, các cá nhân, tổ chức xã hội trong và ngoài nước tăng cường cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Tăng cường năng lực của các tổ chức tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Từng bước kiện toàn và hình thành lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện và xã, đảm bảo cho việc quản lý thống nhất và duy trì lực lượng tinh nhuệ, chủ lực trong thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Nâng cao hiệu lực quản lý, năng lực thừa hành pháp luật và hiệu quả công tác trong lĩnh vực bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho các cán bộ công chức kiểm lâm từ trung ương đến địa phương, để chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong tình hình mới;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho các cán bộ quản lý và

chuyên trách lâm nghiệp để từng bước tự tổ chức, giám sát và thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Tập huấn, huấn luyện kỹ thuật, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng cho các lực lượng chuyên ngành, chủ rừng và các tổ, đội quân chúng bảo vệ rừng, chữa cháy rừng. Ưu tiên đào tạo cho lực lượng địa phương và cơ sở;

- Đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cơ sở để có khả năng xử lý kịp thời khi cháy rừng xảy ra.

d) Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý lửa rừng: quy hoạch, phân vùng trọng điểm nguy cơ cháy rừng; dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; phát hiện sớm điểm cháy rừng; truyền tin, xử lý thông tin và chỉ huy chữa cháy rừng; huy động lực lượng và tổ chức chữa cháy rừng;

- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp lâm sinh, phương tiện, thiết bị và công cụ phòng cháy, chữa cháy rừng tiên tiến phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng;

- Quy hoạch xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng: hệ thống đường xá; kênh mương, bể chứa, hồ đập; hệ thống chòi canh lửa; hệ thống

thông tin liên lạc; hệ thống các trạm đo mưa, trạm khí tượng phục vụ dự báo cháy rừng;

- Củng cố và đầu tư xây dựng cho các Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng tại 03 vùng trở thành nơi nghiên cứu, đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ của cả nước về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và tham gia ứng cứu chữa cháy rừng khi có cháy lớn vượt quá tầm kiểm soát của địa phương.

đ) Hợp tác quốc tế trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, đặc biệt với các nước thành viên trong khối ASEAN thực hiện Hiệp định chống ô nhiễm khói mù xuyên biên giới do cháy rừng, cháy đất gây ra. Cụ thể:

+ Hợp tác trao đổi kinh nghiệm, thăm quan nghiên cứu các mô hình quản lý lửa rừng;

+ Nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

+ Trao đổi, tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật và dự án đầu tư cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Đầu tư

- Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương.

- Tổng vốn đầu tư khái toán là: 502 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 200 tỷ đồng.

+ Đầu tư cho các đơn vị thuộc địa phương: 302 tỷ đồng.

- Hạng mục đầu tư cụ thể bao gồm:

a) Đầu tư phương tiện, trang thiết bị và cơ sở vật chất (Phụ lục I kèm theo Quyết định này) cho các đơn vị kiểm lâm để đáp ứng cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Ưu tiên đầu tư phòng cháy, chữa cháy rừng cho các vườn quốc gia, các Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các vùng rừng tập trung quy mô lớn; các tỉnh có diện tích rừng lớn, rừng có giá trị cao và rừng có nguy cơ bị cháy cao;

c) Đầu tư trực tiếp cho các dự án khả thi nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục II kèm theo Quyết định này);

d) Đầu tư hỗ trợ có mục tiêu cho các tỉnh trọng điểm thực hiện đầu tư cho các dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm của từng địa phương (Phụ lục III kèm theo Quyết định này), theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Biện pháp tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo triển khai xây dựng, phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn các tỉnh xây dựng dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho các đơn vị kiểm lâm của các địa phương.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối vốn và ghi danh mục cụ thể cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh được đầu tư thực hiện đề án này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong kế hoạch ngân sách hàng năm.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp xây dựng quy chế hoạt động về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; bố trí lực lượng tham gia đào tạo, tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật chữa cháy rừng.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm thuộc địa phương sau khi có ý kiến thẩm định về chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng

Phụ lục I

**TỔNG HỢP CÁC TRANG, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ
ĐẦU TƯ CƠ SỞ KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
CHO LỰC LƯỢNG KIỂM LÂM TOÀN QUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTg

ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại phương tiện, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng phương tiện, thiết bị		
			Tổng số	TW	ĐP
1	Ô tô chữa cháy chuyên dụng	Chiếc	20	8	12
2	Ô tô chuyên chở người và thiết bị	Chiếc	60	13	47
3	Ô tô tuần tra, chữa cháy rừng chuyên dụng	Chiếc	200	16	184
4	Mô tô tuần tra	Chiếc	200	23	177
5	Xuồng máy	Chiếc	22	4	18
6	Bồn chứa nước	Chiếc	250	30	220
7	Máy bơm chuyên dụng	Chiếc	300	60	240
8	Máy bơm trạm	Chiếc	03	3	
9	Máy cắt thực bì	Chiếc	300	60	240
10	Máy thổi gió (đeo vai và xách tay)	Chiếc	600	200	400
11	Máy cưa xăng	Chiếc	230	30	200
12	Bình chữa cháy đeo vai	Chiếc	1000	200	800
13	Bảo hộ chữa cháy chuyên dụng	Chiếc	200	40	160
14	Hệ thống thông tin	Bộ	61	15	46
15	Chòi quan sát lửa rừng	Bộ	250	35	215
16	Lều bạt cơ động	Bộ	120	15	105
17	Trạm dự báo và phát hiện cháy rừng	Trạm	30	13	17
18	Máy phát điện 5KVA	Cái	60	10	50
19	Máy định vị toàn cầu GPS	Cái	300	30	270

STT	Loại phương tiện, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng phương tiện, thiết bị		
			Tổng số	TW	ĐP
20	Máy Sever (máy chủ)	Cái	4	4	
21	Máy vi tính để bàn	Bộ	60	13	47
22	Máy chiếu LCD	Bộ	40	10	30
23	Máy vi tính xách tay	Cái	40	10	30
24	Máy in	Chiếc	5	5	
25	Máy Photocopy	Chiếc	1	1	
26	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	5	5	
27	Sa bàn chỉ đạo	Cái	1	1	
28	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	2	
29	Headphone	Bộ	1	1	
30	Hệ thống đường truyền dữ liệu	Bộ	1	1	
31	Hệ thống phần mềm xử lý	Bộ	3	3	
32	Bộ cơ sở dữ liệu từ TW - địa phương	Bộ	3	3	
33	Ống nhôm quan sát	Chiếc	200	20	180
34	Kho tàng, bãi tập, lớp học, nhà nghiên cứu	m ²	10.000	4.000	6.000

09674283

Phụ lục II

KHÁI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC ĐƠN VỊ
THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: 1000đ

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Diện tích có rừng	Dự toán tổng vốn đầu tư
1	VQG Tam Đảo	Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang	36,883	9,000,000
2	VQG Ba Vì	Hà Tây, Hòa Bình	7,377	6,000,000
3	VQG Cúc Phương	Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa	22,200	6,000,000
4	VQG Bến En	Thanh Hóa	16,634	7,000,000
5	VQG Bạch Mã	Thừa Thiên - Huế	22,031	6,000,000
6	VQG Yokdon	Đắk Lắk	115,545	10,000,000
7	VQG Cát Tiên	Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước	73,878	12,000,000
8	Trung tâm KTBVR I	Quảng Ninh	24 tỉnh	40,000,000
9	Trung tâm KTBVR II	Thanh Hóa	17 tỉnh	36,000,000
10	Trung tâm KTBVR III	Thành phố Hồ Chí Minh	19 tỉnh	58,000,000
11	Văn phòng BCĐTW về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng	Hà Nội	Cả nước	9,000,000
	Tổng cộng			200,000,000

Phụ lục III

KHÁI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
CHO CÁC TỈNH CÓ NHIỀU RỪNG TRONG TOÀN QUỐC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

Thứ tự ưu tiên	Tên tỉnh, TP	Diện tích tự nhiên	Diện tích có rừng	Dự toán tổng vốn đầu tư
1	Gia Lai	1,549,571	760,292	14,000,000
2	Nghệ An	1,648,729	745,557	15,000,000
3	Kon Tum	961,450	630,804	15,000,000
4	Lâm Đồng	976,220	616,084	13,000,000
5	Đắk Lắk	1,306,201	604,810	14,000,000
6	Sơn La	1,405,500	526,722	15,000,000
7	Quảng Bình	805,186	508,960	13,000,000
8	Thanh Hóa	1,111,660	470,756	12,000,000
9	Quảng Nam	1,040,514	445,291	12,000,000
10	Đắk Nông	651,442	370,536	11,000,000
11	Điện Biên	955,411	367,681	11,000,000
12	Lạng Sơn	830,524	333,671	11,500,000
13	Lào Cai	635,708	274,607	11,000,000
14	Bắc Kạn	485,721	261,305	9,000,000
15	Quảng Ninh	606,428	261,268	10,000,000
16	Hà Tĩnh	605,574	245,062	9,000,000
17	Thừa Thiên - Huế	505,399	243,556	9,500,000
18	Bình Định	602,506	229,197	9,000,000
19	Hòa Bình	466,253	200,210	9,000,000
20	Khánh Hòa	469,343	196,130	8,000,000
21	Quảng Trị	474,573	191,429	8,000,000

Thứ tự ưu tiên	Tên tỉnh, TP	Diện tích tự nhiên	Diện tích có rừng	Dự toán tổng vốn đầu tư
22	Quảng Ngãi	513,603	162,448	8,000,000
23	Phú Yên	503,506	156,075	7,000,000
24	Thái Nguyên	354,110	155,336	8,000,000
25	Đồng Nai	586,030	154,874	5,000,000
26	Phú Thọ	351,957	154,238	8,000,000
27	Ninh Thuận	336,006	151,541	7,000,000
28	Cà Mau	519,970	97,151	7,000,000
29	Kiên Giang	628,497	89,537	7,000,000
30	Long An	449,187	70,391	6,000,000
	Tổng cộng			302,000,000